

ĐÔNG NAM Á TRONG CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA MỸ

Hoàng Anh

Mỹ đang quay trở lại khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Điều này hoàn toàn là sự thật, bởi lẽ sau khi khống chế, “bình định” được châu Âu, Mỹ quay sang đối phó với châu Á - Thái Bình Dương. Trước hết, đây là khu vực có nhiều điểm nóng, mất ổn định. Tiếp đó, sau hơn 20 năm đổi mới, Trung Quốc đã có sức mạnh kinh tế, quân sự ngày càng lớn mạnh, là thách thức đáng lo ngại nhất đối với Mỹ, đe dọa đến lợi ích chiến lược tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tham vọng bá chủ toàn cầu của Mỹ.

Nhìn lại lịch sử hơn 100 năm qua, Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng có vị trí chiến lược cực kỳ quan trọng đối với Mỹ. Từ cuối thế kỷ XIX đến những năm đầu của thế kỷ XX, mục đích của Mỹ là thôn tính và tiến công chiếm các đảo Hawaii, Guam, Puerto Rico, và những đảo khác ở quần đảo Antilles thuộc Tây Ban Nha (1898-1901)⁽¹⁾; sau đó tiếp tục đánh chiếm vùng lòng chảo Thái Bình Dương và một số khu vực thuộc Philippines trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ II (1939-1945)⁽²⁾ nhằm xây dựng các cứ điểm quân sự và kinh tế tại toàn bộ khu vực Thái Bình Dương. Điển hình là cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Nhật Bản (1941)⁽³⁾, được coi là một trận chiến sống còn quyết định

vận mệnh ai sẽ khống chế khu vực này. Quyền lợi biển là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Mỹ từ trước tới nay. Lợi ích lớn nhất của Mỹ hiện nay ở khu vực này là duy trì hiện trạng tại khu vực đã được Mỹ xác lập từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, ngăn chặn sự nổi lên của các quốc gia khác thách thức tham vọng bá chủ khu vực và toàn cầu của Mỹ.

Xét từ góc độ lợi ích kinh tế và chiến lược, Mỹ là đối tác quan trọng của các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương. Dưới sự bảo trợ của Mỹ, một số quốc gia châu Á - Thái Bình Dương là đồng minh hay thuộc địa của Mỹ đã trở nên thịnh vượng và phồn thịnh. Về phía Mỹ, lợi ích thu được từ khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã góp phần đáng kể thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển. Sau chiến tranh Việt Nam, Mỹ buộc phải rút khỏi Đông Nam Á đã tạo ra một “khoảng trống quyền lực” và sau đó Nga rút dần khỏi Cam Ranh cũng tạo nên cảm giác hẫng hụt đối với một số nước. Để lấp vào “khoảng trống” đó, một số nước ASEAN lại muốn Mỹ có mặt ở khu vực này để “cân bằng” quyền lực với các nước lớn khác, đặc biệt là khi Nhật Bản và Trung Quốc trỗi dậy với sức mạnh ngày càng tăng. Chính vì vậy đã tạo thêm cơ hội cho Mỹ quay trở lại Đông Nam Á và gần đây đã

chuyển dân trọng tâm chiến lược từ châu Âu sang châu Á - Thái Bình Dương.

Chính sách của các chính quyền Mỹ đối với Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương là duy trì an ninh và ổn định khu vực, trong đó nền tảng là củng cố quan hệ đồng minh với Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc, Thái Lan, và Philippines. Tại khu vực Đông Nam Á, Mỹ tiếp tục thực hiện chính sách "can dự" nhằm tăng cường sự hiện diện về quân sự, đồng thời mở rộng hợp tác kinh tế - chính trị và an ninh cả về song phương và đa phương, đặc biệt là tận dụng các vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, ly khai, chống khủng bố và các vấn đề xuyên quốc gia khác... để can thiệp vào khu vực.

Có nhiều lý do để Mỹ quay trở lại Đông Nam Á, song có thể khái quát một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, Mỹ thừa nhận Đông Nam Á có vị trí địa chiến lược ngày càng quan trọng bởi Đông Nam Á nằm án ngữ các tuyến đường biển giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, khống chế phần lớn các hoạt động buôn bán và vận chuyển năng lượng của thế giới đi qua khu vực này. Đây là con đường huyết mạch có ý nghĩa sống còn không những đối với Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, mà còn đối với cả các nước ven bờ Thái Bình Dương và các châu lục. Phần lớn nhập khẩu dầu mỏ của nhiều nước Đông Á đều được xuất phát từ vùng Vịnh và đều phải qua khu vực Đông Nam Á. Nhưng, là một cường quốc quân sự, Mỹ cần được "tự do ra vào" khu vực này để đối phó với bất cứ cuộc nổi dậy nào ở Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Từ năm 1992, sau khi buộc

phải rút khỏi hai căn cứ Clark và Subic ở Philippines, Mỹ đã đánh mất một chỗ đứng quan trọng ở đây. Vì vậy, Mỹ phải tìm cách quay trở lại Đông Nam Á.

Thứ hai, Mỹ cho rằng trong bố trí chiến lược toàn cầu, Mỹ thiếu một mắt xích quan trọng trên vành đai 3 - vành đai trực tiếp ngăn chặn, kiềm chế, bao vây Trung Quốc và một số nước khác ở châu Á. Và Đông Nam Á trở thành khu vực rất quan trọng cho mục tiêu này. Không những thế, Đông Nam Á là địa bàn chiến lược thiết yếu để Mỹ tăng cường khả năng "can dự" và chống khủng bố trong khu vực. Vừa tiện cơ động, vừa triển khai nhanh, tập trung lực lượng trên những hướng chủ yếu và điểm nóng quan trọng, tạo thế bất ngờ, áp đảo đối phương để giành thắng lợi quyết định. Ngoài ra, Đông Nam Á là khu vực giàu tài nguyên, đa dạng về dân tộc, tôn giáo, khiến Mỹ thêm khát vọng khai thác kinh tế và chuyển hóa về chính trị nhằm làm cho các nước phát triển theo quỹ đạo của Mỹ.

Thứ ba, Mỹ cho rằng "can dự" sâu vào Đông Nam Á là một biện pháp quan trọng trong việc điều chỉnh chiến lược quân sự toàn cầu của Mỹ. Trong các báo cáo Quốc phòng của Mỹ đều đánh giá: sự có mặt của quân Mỹ ở Tây Âu và Đông Bắc Á không còn đáp ứng hết được các đòi hỏi của tình hình mới. Do đó, một mặt Mỹ phải điều chỉnh và bố trí lại hệ thống quân sự ở những khu vực trọng yếu trên thế giới để quân Mỹ có thể phản ứng nhanh, cơ động và linh hoạt hơn trong mọi tình huống; mặt khác Mỹ cần tìm cách tăng cường "thâm nhập" vào các căn cứ quân sự ở Đông Nam Á (như Philippines, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Brunei, thậm

chí cả Việt Nam...) để chuẩn bị cho các chiến dịch quân sự có thể tiến hành trong tương lai.

Thứ tư, Mỹ cho rằng can thiệp vào Đông Nam Á là hành động cần thiết của Mỹ để giành ưu thế đối phó với những thách thức khác nhau trong khu vực. Hiện nay, ở Đông Nam Á đang xuất hiện một số điểm nóng rất có thể phát triển thành các cuộc xung đột vũ trang quy mô lớn, từ đó ảnh hưởng đến lợi ích chiến lược của Mỹ. Vì vậy, Mỹ phải duy trì sự hiện diện quân sự mạnh để sẵn sàng can thiệp vào khu vực. Từ sau Chiến tranh lạnh, ảnh hưởng của Mỹ ở Đông Nam Á bị suy giảm, trong khi các cường quốc khác lại nổi lên thách thức với Mỹ. Đặc biệt là, Trung Quốc đã ký tuyên bố với ASEAN về "Đối tác chiến lược"; Nhật Bản đang thông qua hợp tác kinh tế để tạo ảnh hưởng lớn hơn về chính trị; Nga đang nỗ lực khôi phục ảnh hưởng truyền thống ở khu vực; và Ấn Độ cũng đang thúc đẩy quan hệ với các nước ASEAN... Những mối quan hệ này sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc hợp tác kinh tế - chính trị - an ninh giữa các bên trong tương lai. Do vậy, đây cũng là một trong những mối lo ngại lớn nhất của Mỹ hiện nay ở khu vực.

Thứ năm, Mỹ cho rằng "can dự" vào Đông Nam Á là yêu cầu cấp bách để thiết lập một cơ cấu an ninh mới có lợi cho việc điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ. Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, Mỹ cho rằng tầm quan trọng chiến lược của khu vực châu Á - Thái Bình Dương chỉ đứng thứ hai sau châu Âu; nhất là sau cuộc chiến ở Afghanistan và Iraq, Mỹ coi "Đông Nam Á là mặt trận thứ hai"⁽⁴⁾ trong cuộc chiến "chống khủng bố" của Mỹ. Mỹ đã duy trì được liên minh quân sự

song phương với 5 nước là Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc, Philippines, và Thái Lan. Tuy nhiên, những liên minh này chưa đủ mạnh để có thể đáp ứng được yêu cầu an ninh mới của Mỹ trong thế kỷ XXI. Mục tiêu của Mỹ là phải xây dựng được một khung "Hợp tác an ninh kiểu NATO" ở khu vực, do Mỹ lãnh đạo. Tuy khó có thể thành lập một "Tiểu NATO ở châu Á", nhưng Mỹ đã xây dựng được một cơ chế an ninh 4 cấp, gồm: liên minh Mỹ - Nhật là nền tảng; liên minh của Mỹ với Australia, Hàn Quốc, Thái Lan, và Philippines là các mắt xích quan trọng; hợp tác quân sự với các nước thân thiện như Singapore và Indonesia; tăng cường quan hệ quân sự của Mỹ với các nước khác ở khu vực. Tuy nhiên, cơ chế này chưa đủ sức để tạo sức mạnh răn đe và kiểm chế trong khu vực. Chính vì vậy trong những năm gần đây, Mỹ đã quay trở lại Đông Nam Á và tìm cách để thiết lập một "cơ chế quân sự đa phương" hay nói đúng hơn là một "Liên minh quân sự mới" ở khu vực.

Thứ sáu, Mỹ cho rằng châu Á - Thái Bình Dương là một thị trường giàu tiềm năng, có vị trí kinh tế toàn cầu ngày càng lớn. Khoảng 10 năm trở lại đây, mậu dịch và đầu tư của Mỹ đối với khu vực này tăng trưởng liên tục, lợi nhuận mà Mỹ thu được từ đây cũng đã vượt quá khu vực châu Âu. Do đó, sự ổn định chính trị và phồn vinh kinh tế ở khu vực này có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, châu Á - Thái Bình Dương đang là khu vực có 6/7 điểm nóng lớn (Trung Đông, Balkan, Kashmir, Bán đảo Triều Tiên, Eo biển Đài Loan, Biển Đông, Iraq)⁽⁵⁾, tạo nên thách thức toàn cầu đối với Mỹ. Đây cũng là vùng có nhiều quốc gia có vũ

khí hạt nhân, có thể đe dọa đến an ninh của Mỹ. Với việc mở rộng NATO về phía Đông, Mỹ đã cơ bản khống chế, “bình định” được châu Âu để quay sang đối phó với châu Á - Thái Bình Dương.

Thứ bảy, Mỹ cho rằng đối thủ chính của Mỹ ở khu vực này là Trung Quốc (khoảng 50 năm, thậm chí 20-30 năm nữa, Trung Quốc có thể thách thức vị trí siêu cường số 1 của Mỹ). CHDCND Triều Tiên là nước mà Mỹ cho rằng đang sở hữu vũ khí hạt nhân, có khả năng uy hiếp các căn cứ quân sự của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương. Ngoài ra, còn có các xu hướng không theo Mỹ hoặc chống Mỹ. Mỹ cho rằng, Đông Nam Á lại là nơi tiềm ẩn để các lực lượng khủng bố Hồi giáo cực đoan đang giấu mình và triển khai hoạt động nhằm vào nước Mỹ (người Hồi giáo ở Đông Nam Á chiếm 20% dân số Hồi giáo trên thế giới; riêng Indonesia có khoảng 170 triệu, là nước có số người Hồi giáo đông nhất thế giới, đã từng xảy ra hai vụ khủng bố lớn ở Bali và Jakarta). Điều đó đang đe dọa đến an ninh quốc gia của Mỹ. Chính những nguyên nhân trên đã khiến Mỹ tìm cách quay trở lại Đông Nam Á.

Biểu hiện cụ thể trên thực tế là, Mỹ đã tạo được sự có mặt quân sự thường xuyên ở Đông Nam Á. Đặc biệt là sau sự kiện 11/9, Mỹ và các nước Đông Nam Á đã phối hợp hàng trăm cuộc diễn tập quân sự, trong đó có nhiều cuộc diễn tập lớn và quan trọng, thậm chí còn có nhiều nước bên ngoài khu vực tham gia như “Balikatan”, “Cobra Gold”, “Carat”. Điển hình là cuộc diễn tập “Summer Pulse”⁽⁶⁾ từ tháng 6 đến tháng 8/2004, diễn ra trên 5 khu vực lớn, nhưng tập trung trọng điểm vào Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình

Dương. Ngoài ra, còn có hàng loạt cuộc diễn tập song phương giữa Mỹ với các nước Đông Nam Á (riêng 9 tháng đầu năm 2004 đã có gần 20 cuộc diễn tập của Mỹ với các nước Đông Nam Á). Đây là những cuộc diễn tập có quy mô lớn cả về không gian, thời gian, thành phần, lực lượng liên ngành tham gia. Mục đích là duy trì sự hiện diện của Mỹ tại khu vực; chứng minh khả năng vượt trội của Hải quân Mỹ có thể can thiệp nhanh tới các “điểm nóng”; “giúp” các nước trong khu vực đối phó với các “nguy cơ đe dọa từ bên ngoài”; phối hợp tác chiến chống khủng bố; nâng cao khả năng tác chiến hợp đồng quân binh chủng, trên không, trên biển, chống ngầm, cứu hộ cứu nạn; thử nghiệm vũ khí phương tiện; cung cấp hậu cần... Đồng thời, trên cơ sở đó Mỹ thực hiện chiến lược “can dự”, triển khai tập kết lực lượng, sẵn sàng can thiệp vào khu vực khi có điều kiện thời cơ.

Sau sự kiện 11/9, Thái Lan đã cho phép Mỹ sử dụng các công trình quân sự trên đất Thái Lan và máy bay Mỹ được phép bay qua bầu trời Thái Lan. Trước đó, Quốc hội Philippines đã phê chuẩn “Hiệp định viếng thăm quân đội hai nước”, tạo cơ sở pháp lý cho Mỹ quay trở lại Philippines và Đông Nam Á. Cuối năm 2002, Mỹ và Philippines đã ký “Hiệp định yểm trợ hậu cần quân sự”, theo đó Mỹ sẽ cung cấp cho Philippines các trang thiết bị quân sự và được quyền sử dụng có giới hạn các căn cứ quân sự ở Philippines. Đổi lại, Mỹ đã tăng viện trợ quân sự lên gấp 3 lần cho Philippines (từ 38,03 triệu USD năm 2001 lên 114,46 triệu USD năm 2003). Cuối năm 2003, Mỹ tuyên bố Philippines và Thái Lan là “Đồng minh quan trọng ngoài NATO” ở Đông Nam Á. Mỹ và

Singapore đã nhất trí đàm phán về “Hiệp định khung” nhằm đẩy mạnh quan hệ “đối tác chiến lược” trên lĩnh vực quốc phòng an ninh. Vì Singapore có vị trí chiến lược ở eo biển Malacca, nên tháng 6/2004 Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đang tìm cách đưa lực lượng đến đóng quân tại đây để kiểm soát toàn bộ khu vực Biển Đông và phát triển ra hướng biển Ấn Độ Dương khi cần. Trước đó, Mỹ và Singapore đã ký “Hiệp định xây dựng bến cảng nước sâu” ở Changi cho phép các tàu tuần dương và tàu sân bay Mỹ neo đậu, sửa chữa, quá cảnh... Đây là một trong những căn cứ để Mỹ có thể làm bàn đạp nhằm tiến hành các chiến dịch quân sự khi cần. Như vậy, hệ thống căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á (sau cuộc chiến tranh Việt Nam) hầu hết đã được Mỹ sử dụng trở lại, thậm chí còn được nâng cấp hiện đại hóa hơn để sẵn sàng phục vụ cho mưu đồ của Mỹ cả trước mắt và trong tương lai ở khu vực.

Tóm lại, chống khủng bố đã trở thành hoạt động ưu tiên trong quan hệ giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á, đồng thời là cái cớ lớn nhất và quan trọng nhất để Mỹ quay trở lại khu vực. Theo nhận xét của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược và Quốc phòng Singapore, “Vùng ven biển Đông Nam Á đã có đầy đủ lý do trở thành khu vực quan trọng hàng đầu đối với Mỹ”. Sự quay trở lại về quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á khiến tình hình an ninh - chính trị ở đây thêm phức tạp và bất ổn định, sẽ uy hiếp đến độc lập, chủ quyền, biên giới, lãnh thổ, và đe dọa an ninh quốc gia. Với mục tiêu tăng cường liên minh quân sự, Mỹ đang thúc đẩy hình thành một “liên minh quân sự mới” do Mỹ chủ đạo, sẽ tác động lớn và toàn diện tới

tình hình kinh tế - chính trị, quốc phòng - an ninh của khu vực Đông Nam Á cả trước mắt và trong tương lai.

Tuy nhiên, để trở lại Đông Nam Á, Mỹ đang vấp phải một số khó khăn, vì một số nước ASEAN vẫn thận trọng trong việc tăng cường hợp tác với Mỹ. Họ lo ngại Mỹ có thể lợi dụng sự hợp tác quân sự để can thiệp vào công việc nội bộ của họ. Ngoài ra, hầu hết dân chúng các nước ASEAN thường xuyên phản đối sự có mặt của quân đội Mỹ, đặc biệt sau chiến tranh Iraq, tình trạng chống Mỹ của người Hồi giáo trong khu vực cũng ngày càng tăng lên. Sự có mặt của Mỹ ở Đông Nam Á sẽ gây nên làn sóng căm thù của người Hồi giáo, đồng thời có thể gây nên những rối loạn về chính trị - xã hội, thậm chí có thể gây ra nhiều cuộc tiến công khủng bố hơn nữa, kể cả vào nước Mỹ. Đây là vấn đề đáng quan tâm nhất hiện nay ■

Chú thích:

1. Tham khảo: Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha tại châu Á - Thái Bình Dương (1898). Chiến tranh Mỹ - Philippines (1898-1901). Chiến tranh thế giới lần thứ II (1939-1945): Máy bay Nhật tập kích quân Mỹ ở Cảng Trân Châu (Trần Trân Châu Cảng, 07-12-1941). Sau đó mở rộng chiến tranh xuống Đông Nam Á và một số đảo ở Thái Bình Dương. Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam. NXB Quân đội Nhân dân. Hà Nội 1996. Trang 170-178
2. sdd
3. sdd
4. Mỹ trở lại Đông Nam Á bằng những con đường nào? Tạp chí "Kiến thức quốc phòng hiện đại", Số 2-2003.
5. Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược sang châu Á - Thái Bình Dương. Bản tin TTXVN 25/7/2002.
6. Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là trọng điểm an ninh của Mỹ. TKDB, TTXVN, ngày 9/8/2004.